

Số:...../BC- THCS ĐL

Điền Lộc, ngày 15 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
Năm học : 2024 - 2025

(Báo cáo công khai theo thông tư 09/2024/TT-BGD&ĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và đào tạo)

I. THÔNG TIN CHUNG:

01. Tên trường: Trường Trung học cơ sở Điền Lộc.

Địa chỉ: Thôn Nhì Tây, xã Điền Lộc, Huyện Phong Điền, Tỉnh Thừa Thiên Huế.

Số điện thoại: 0234 552079

Website: <http://thcs-dloc.phongdien.thuathienhue.edu.vn>

Email: thcspdien.dloc@hue.edu.vn

02. Loại hình; Chức năng, nhiệm vụ:

Loại hình: Công lập

Cơ quan Quản lý trực tiếp: Phòng GD&ĐT Huyện Phong Điền

Giáo dục phổ thông bậc Trung học cơ sở và thực hiện công tác phổ cập trung học cơ sở tại đơn vị Xã Điền Lộc .

3. Mục tiêu giáo dục:

3.1. Các mục tiêu tổng quát

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và thời đại.

Phấn đấu đến năm 2025, trường THCS Điền Lộc được xếp hạng top 5 Trong các trường THCS của huyện Phong Điền.

3.2. Các mục tiêu cụ thể

+ Mục tiêu ngắn hạn: Đến năm 2024, Trường THCS Điền Lộc được Tiếp tục công nhận trường chuẩn quốc gia theo TT 18/ TT-BGD&ĐT (chu kỳ 3) Mức II

+ Mục tiêu trung hạn: Đến năm 2025, Trường THCS Điền Lộc phấn đấu nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện đạt trên mặt bằng chung toàn huyện, xếp thứ 5-6 về chất lượng học sinh giỏi cấp huyện.

Mục tiêu dài hạn: Đến năm 2030, Trường THCS Điền Lộc phấn đấu đạt được các mục tiêu sau:

- Chất lượng giáo dục được khẳng định bền vững.
- Có thương hiệu của một trường chất lượng cao trong huyện Phong Điền.
- Uy tín nhà trường được nâng cao là niềm tin cậy của phụ huynh học sinh và toàn xã hội.

4. Quá trình thành lập và phát triển:

Trường THCS Điền Lộc được thành lập từ ngày 23/08/2000 theo quyết định số 848/QĐ-TCCB ngày 23/8/2000 của Sở GD&ĐT Thừa Thiên Huế về việc tách và thành lập trường học.

Những ngày đầu mới thành lập, trường Chỉ 4 lớp với 98 học sinh. Sau 24 năm hình thành và xây dựng, trường THCS Điền Lộc đã phát triển toàn diện về quy mô số lượng đến nay trường có 9 lớp với 278 học sinh, chất lượng dạy và học được nâng lên, cơ sở vật chất hiện đang tiếp tục đầu tư nhằm nâng cao chất lượng các tiêu chí của trường đạt chuẩn Quốc gia chu kỳ III. Nhiều năm liền nhà trường được ủy ban nhân dân huyện Phong Điền tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”. Trường được công nhận cơ quan đạt chuẩn văn hóa. Công đoàn nhiều năm liền được Liên đoàn lao động huyện và Công đoàn giáo dục tỉnh tặng bằng khen. Chi đoàn vững mạnh cấp tỉnh. Liên đội mạnh cấp huyện, cấp tỉnh, và đã được trung ương đoàn tặng bằng khen.

5. Thông tin người đại diện pháp luật; người phát ngôn :

Người đại diện pháp luật: Lê Thông - Chức vụ: Hiệu trưởng

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS Điền Lộc, Thôn Nhì Tây, Xã Điền Lộc, Huyện Phong Điền, Tỉnh Thừa Thiên Huế

Số điện thoại: 0945909227

Email: lthong.thcsdloc.pdien@hue.edu.vn

6. Tổ chức bộ máy:

6.1. Quyết định thành lập Trường: Quyết định số: 848/QĐ- TCCB ngày 23/8/2000 của giám đốc sở giáo dục và đào tạo Thừa Thiên- Huế Về việc tách và thành lập trường

6.2. Quyết định công nhận hội đồng trường: Quyết định số 3361/QĐ-UBND, ngày 07/ 9/2021 của UBND Chủ tịch UBND Huyện Phong Điền Về việc công nhận Hội đồng trường THCS Điền Lộc

6.3. Chủ tịch Hội đồng trường và các thành viên Hội đồng trường: Quyết định số 10691/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của chủ tịch UBND Huyện Phong Điền, về việc công nhận chủ tịch Hội đồng trường Trường THCS Điền Lộc. (Danh sách hội đồng trường kèm thêm quyết định)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi Chú
1	Lê Thông	Bí thư chi bộ- Hiệu trưởng	
2	Trần Xuân Trường	Phó Hiệu trưởng	
3	Trần Chí Công	CT /CĐCS	
4	Văn Thị Út	Tổ trưởng CM	
5	Đặng Văn Cho	Tổ trưởng CM	
6	Nguyễn Đăng Phước	BTCĐ- TTCM	
7	Văn Thị Loan	Tổ trưởng Văn phòng	
8	Lê Tấn Nhất	P/BTCĐ	
9	Lê Phi Đức	PCT/ UBND xã Điện Lộc	
10	Bùi Văn Sơn	TB Đại diện CMHS	
11	Trương Thị Kim Ngân	Đại diện học sinh	

6.4 Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng; Phó Hiệu trưởng

Quyết định bổ nhiệm Hiệu trưởng: Quyết định số 1299/QĐ-UBND, ngày 31/08/2020, về việc bổ nhiệm ông Lê Thông giữ chức vụ Hiệu trưởng, Trường THCS Điện Lộc kể từ ngày 01/09/2020.

- Quyết định bổ nhiệm Phó hiệu trưởng : Quyết định số 3665 /QĐ-UBND, ngày 24/11/2023, về việc bổ nhiệm ông Trần Xuân Trường, giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng trường THCS Điện Lộc, kể từ ngày 01/10/2023

- Quy chế tổ chức, chức năng nhiệm vụ quyền hạn của trường THCS Điện Lộc : Theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban hành điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học .

7. Vị trí của trường trung học cơ sở Điện Lộc trong hệ thống giáo dục quốc dân (Quy định tại Điều 2- TT 32/2020/TT-BGD&ĐT).

Trường trung học cơ sở Điện Lộc của hệ thống giáo dục quốc dân. Trường

có tư cách pháp nhân, có tài khoản và con dấu riêng.

8. Nhiệm vụ và quyền hạn của trường trung học cơ sở Điền Lộc (Quy định tại Điều 3- TT32/2020/TT-BGD&ĐT)

1. Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển nhà trường gắn với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương; xác định tầm nhìn, sứ mệnh, các giá trị cốt lõi về giáo dục, văn hóa, lịch sử và truyền thống của nhà trường.
2. Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường theo chương trình giáo dục phổ thông do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Phối hợp với gia đình học sinh, tổ chức và cá nhân trong tổ chức các hoạt động giáo dục.
3. Tuyển sinh và tiếp nhận học sinh, quản lý học sinh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
4. Thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục trong phạm vi được phân công.
5. Tổ chức cho giáo viên, nhân viên, học sinh tham gia các hoạt động xã hội.
6. Quản lý giáo viên, nhân viên theo quy định của pháp luật.
7. Huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực cho hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
8. Quản lý, sử dụng và bảo quản cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của pháp luật.
9. Thực hiện các hoạt động về bảo đảm chất lượng giáo dục, đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
10. Thực hiện công khai về cam kết chất lượng giáo dục, các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục và thu, chi tài chính theo quy định của pháp luật.
11. Thực hiện dân chủ, trách nhiệm giải trình của cơ sở giáo dục trong quản lý các hoạt động giáo dục; bảo đảm việc tham gia của học sinh, gia đình và xã hội trong quản lý các hoạt động giáo dục theo quy định của pháp luật.
12. Thực hiện các nhiệm vụ và quyền khác theo quy định của pháp luật.

9. Sơ đồ tổ chức bộ máy của nhà trường

- + 01 Hội đồng trường gồm 11 thành viên.
- + 01 Hiệu trưởng và 01 phó Hiệu trưởng.
- + 01 Hội đồng thi đua khen thưởng.
- + Hội đồng ký luật (thành lập khi xử lý kỷ luật theo Điều lệ nhà trường).
- + Tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam có: 01 chi bộ gồm 16 đảng viên.
- + Tổ chức Công đoàn có 29 đoàn viên.

+ Tổ chi đoàn gồm 01 chi đoàn, 8 Đoàn viên

Ho và tên, chức vụ, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo nhà trường

Số TT	Ho và tên	Chức vụ	Số điện thoại	Thư điện tử (Email)
1	Lê Thông	Hiệu trưởng	0945909227	lthong.thcsdloc.pdien@hue.edu.vn
2	Trần Xuân Trường	P/Hiệu trưởng	0983074319	txtruong.thcsdloc.pdien@hue.edu.vn

Địa chỉ nơi làm việc: Trường THCS Điền Lộc, Thôn Nhì Tây, Xã Điền Lộc, Huyện Phong Điền, Tỉnh Thừa Thiên- Huế . Số điện thoại: 0234 552079

10. Các văn bản khác của nhà trường:

- Kế hoạch chiến lược phát triển của nhà trường : Kế hoạch số: 40/KH-THCS ĐL , ngày 01/9/2020 của trường THCS Điền Lộc Kế hoạch chiến lược phát triển nhà trường THCS Điền Lộc Giai đoạn 2020- 2025 và tầm nhìn đến 2030

- Quy chế dân chủ nhà trường : Ban hành kèm theo Quyết định số 51/QĐ-THCS ĐL, ngày 01/ 09 /2024 về việc ban hành quy chế dân chủ ở cơ sở của Trường THCS Điền Lộc từ năm học 2024- 2025.

- Quy chế thực hiện công khai đối với trường THCS Điền Lộc, ban hành kèm theo Quyết định số 49 / QĐ-THCS ĐL, ngày 05/09/2024 về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với trường THCS Điền Lộc.

- Kế hoạch của Hội đồng trường- Nhiệm kỳ 2021- 2025: Kế hoạch số 03/KH- HĐT, ngày 15/01/2021

II. ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ, GIÁO VIÊN NHÂN VIÊN

Ban giám hiệu có năng lực quản lý, có tầm nhìn chiến lược, có lập trường tư tưởng vững vàng . Hiệu quả công tác quản lý nhà trường đạt kết quả cao.

Đội ngũ giáo viên được trẻ hóa , đảm bảo trình độ chuyên môn, đảm bảo cơ cấu bộ môn, đủ số lượng để phân công giảng dạy các môn học theo chương trình GDPT 2018, phần lớn giáo viên có trình độ chuyên môn vững vàng, nhiều giáo viên nhiệt tình, tâm huyết, say mê chuyên môn. Tập thể CBGVNV có tinh thần đoàn kết cao, có ý thức phấn đấu vươn lên trong giảng dạy, có tinh thần phê và tự phê bình cao, luôn có ý thức cầu tiến. Luôn có ý thức tự giác thực hiện nhiệm vụ và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Nhà trường luôn quan tâm công tác xây dựng chất lượng đội ngũ, coi việc xây dựng chất lượng đội ngũ là nhiệm vụ hàng đầu, then chốt trong công tác xây dựng đội ngũ của nhà trường nhằm nâng cao chất lượng Giáo dục của

SỐ TT	NỘI DUNG	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	Cao đẳng	Tr Cấp	Chưa ĐT	I	II	III	Tốt	Khá	Đạt	Chưa Đạt

nhà trường theo kịp xu thế của thời đại.

Thông kê đội ngũ Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của Trường THCS Điền Lộc đầu năm học 2024-2025. cụ thể như sau :

	Tổng số CBQL, giáo viên, nhân viên	29		1	22	3	2	1	0	18	5	23	0	0	0
I	Giáo viên	21		1	19	1	0	0	0	16	5	21	0	0	0
	<i>Trong đó</i>														
1	GV TPT	1			1					1		1			
2	Toán	3			3					3		3			
3	Vật lý	1			1					1		1			
4	Hóa học	1		1							1	1			
5	Sinh học	1			1					1		1			
6	Công nghệ	1			1					1		1			
7	Ngữ văn	2			2					1	1	2			
8	Địa lý	2			2					2		2			
9	GDCD	1			1						1	1			
10	GDTC	1			1					1		1			
11	Tiếng Anh	2			2					1	1	2			

12	Tin học	2			2				2		2			
13	Mỹ Thuật	1			1				1		1			
14	Âm nhạc	1				1				1	1			
15	Lịch sử	1			1				1		1			
II	Cán bộ quản lý	2			2				2		2	0	0	0
1	Hiệu trưởng	1			1				1		1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1				1		1			
III	Nhân viên	6			1	2	2	1						
1	NV Văn thư- Thủ quỹ	1				1								
2	NV Kế toán	1			1									
3	Nhân viên y tế	1					1							
4	Nhân viên Thư viện	1				1								
5	Nhân viên TBDH	1					1							
6	HĐ 111 (Bảo vệ)	1						1						

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

Nhà trường có hệ thống CSVC, trang thiết bị dạy học tương đối hoàn chỉnh và đồng bộ, các phương tiện làm việc ở các phòng chức năng, phòng học bộ môn, thư viện... được trang bị khá đầy đủ, phục vụ tốt cho việc dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục khác. Nhà trường đã có kế hoạch thường xuyên mua sắm bổ sung, sửa chữa kịp thời trang thiết bị, đồ dung dạy học bảo đảm phục vụ tốt cho công tác dạy học và các hoạt động giáo dục khác

Trường có khuôn viên an toàn, có tường rào, cổng trường, khu vực sân chơi rộng rãi, có hệ thống cây xanh, cây cảnh bảo đảm xanh sạch đẹp đáp ứng yêu cầu cho hoạt động của học sinh.

01. THÔNG TIN CÔNG KHAI VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT

STT	Hạng mục CSVC- TBDH	Số lượng	Bình quân/HS
I	Số phòng học	19	0,97 m²/hs
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	14	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhỏ	0	
5	Số phòng học bộ môn	07	
6	Phòng học Đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	
7	Bình quân lớp/ phòng học	0,66 lớp/ phòng	
8	Bình quân học sinh/ Lớp	30em/lớp	
III	Số điểm trường	01	

IV	Tổng số diện tích đất (m²)	10.766 m²	
V	Tổng số diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	150 m²	
VI	Tổng số diện tích các phòng	994 m²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	46m ²	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	46 m ²	
3	Diện tích phòng Thiết bị dung chung (m ²)	48 m ²	
4	Diện tích thư viện (m ²)	72 m ²	
5	Diện tích nhà tập đa năng (nhà giáo dục thể chất) (m ²)	324 m ²	

6	Diện tích phòng Đoàn Đội (m ²)	48 ^{m²}	
7	Diện tích phòng truyền thống (m ²)	46 m ²	

X/ Khu nhà vệ sinh

	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
I	Đạt chuẩn vệ sinh*	x		x		0,15
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh *					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn (Điện lưới , máy phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet (ADSL)	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của nhà trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (ĐV tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		7/9 lớp
1.1	Khối 6		2/ 2 lớp
1.2	Khối 7		2/ 3 lớp
1.3	Khối 8		2/ 2 lớp
1.4	Khối 9		1/2 lớp

2.4	Khối 9		1/ 2 lớp
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		Số học sinh/ bộ
1	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập		11,5 hs/1 bộ
IX	Tổng số thiết bị máy móc đang sử dụng		Số thiết bị/ lớp
1	Ti vi		1/1 lớp

2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu theo quy định		02/9 lớp
2.1	Khối 6		0/ 2 lớp
2.2	Khối 7		1/ 3 lớp
2.3	Khối 8		0/ 2 lớp

2	Loa bluetooth		0,22/1 lớp
3	Đầu Video/đầu đĩa/ catssets		0,44/ 1 lớp
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thê		0,11/ 1 lớp
5	Thiết bị khác		

**02. DANH MỤC SÁCH GIÁO KHOA LỚP 9 SỬ DỤNG TRONG NHÀ TRƯỜNG
NĂM HỌC 2024- 2025**

*(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 1520 /QĐ-UBND ngày 11/6/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế)*

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tổ chức, cá nhân
1	Toán 9 (Tập 1) Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (Đồng chủ biên), Nguyễn Văn Hiển, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh, Nguyễn Đặng Trí Tín	NXB Giáo dục Việt Nam
	Toán 9 (Tập 2) Chân trời sáng tạo	Trần Nam Dũng (Tổng Chủ biên), Trần Đức Huyền, Nguyễn Thành Anh (Đồng chủ biên), Nguyễn Văn Hiển, Ngô Hoàng Long, Huỳnh Ngọc Thanh, Nguyễn Đặng Tri Tín	NXB Giáo dục Việt Nam
2	Ngữ văn 9 Tập một (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Ngân Hoa - Đặng Lưu (đồng Chủ biên), Dương Tuấn Anh, Lê Trà My, Nguyễn Thị Nương, Nguyễn Thị Hải Phương, Nguyễn Thị Minh Thương	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Ngữ văn 9 Tập hai (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Bùi Mạnh Hùng (Tổng Chủ biên) – Nguyễn Thị Ngân Hoa – Đặng Lưu (Đồng Chủ biên) – Phan Huy Dũng – Nguyễn Thị Mai Liên – Lê Thị Minh Nguyệt .	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
3	Tiếng Anh 9 Global Success (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Hoàng Văn Vân (Tổng chủ biên), Lương Quỳnh Trang (Chủ biên), Nguyễn Thị Chi, Lê Kim Dung, , Nguyễn Thụy Phương Lan, Phan Chí Nghĩa, Trần Thị Hiếu Thủy	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
4		Vũ Văn Hùng (Tổng Chủ biên) Nguyễn Văn Biên, Lê Trọng Huyền,	

	Khoa học tự nhiên 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Đình Đoàn Long (đồng Chủ biên), Nguyễn Thu Hà, Trương Duy Hải, Nguyễn Thanh Hưng, Trần Văn Kiên, Đường Khánh Linh, Nguyễn Thị Hằng Nga, Vũ Công Nghĩa, Vũ Trọng Rỹ, Nguyễn Thị Thuần	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
5	Lịch sử và Địa lí 9 (Chân trời sáng tạo)	Hà Bích Liên, Hồ Thanh Tâm(Đồng chủ biên phần Lịch sử) Lê Phụng Hoàng, Nhữ Thị Phương Lan, Nguyễn Trà My,Trần Viêt Ngạc , Nguyễn Văn Phương, Nguyễn Kim Tường Vy; Nguyễn Kim Hồng (Tổng chủ biên phần Địa lí), Huỳnh Phẩm Dũng Phát (chủ biên phần Địa lí) Trần Ngọc Điệp, Nguyễn Hà Quỳnh Giao,Tạ Đức Hiếu, Hoàng Thị Kiều Oanh, Trần Quốc Việt	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
6	Công nghệ 9 (Định hướng nghề nghiệp) Chân trời Sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lương, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phương, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thúy,	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
	Công nghệ 9 (Mô đun Lắp đặt mạng trong nhà) Chân trời Sáng tạo	Bùi Văn Hồng (Tổng Chủ biên), Nguyễn Thị Cẩm Vân (Chủ biên), Nguyễn Thị Lương, Phan Nguyễn Trúc Phương, Đào Văn Phương, Nguyễn Phước Sơn, Nguyễn Thị Thúy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
7	Tin học 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Chí Công (Tổng Chủ biên), Hà Đăng Cao Tùng (Chủ biên), Phan Anh, Nguyễn Hải Châu, Hoàng Thị Mai..	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
8	Giáo dục thể chất 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Nguyễn Duy Quyết (Tổng chủ biên), Hồ Đắc Sơn (Chủ biên), Vũ Tuấn Anh, Nguyễn Xuân Đoàn, Nguyễn Thị Hà, Lê Trường Sơn, Chấn Hải, Trần Mạnh Hùng, Nguyễn Thành Trung.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
9	Giáo dục công dân 9	Nguyễn Thị Mỹ Lộc (Tổng Chủ biên), Phạm Việt Thắng (Chủ biên),	Công ty Cổ phần Đầu tư

	(Cánh Diều)	Bùi Xuân Anh, Dương Thị Thuý Nga, Hoàng Thị Thịnh, Hoàng Thị Thuận, Mai Thu Trang, Trần Văn Thắng	Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)
10	Âm nhạc 9 (Cánh Diều)	Đỗ Thanh Hiền (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên), Nguyễn Mai Anh, Vũ Ngọc Tuyên.	Công ty cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam (VEPIC) (Đơn vị liên kết: Nhà xuất bản Đại học Huế)
11	Mĩ thuật 9 (Chân trời sáng tạo 1)	Nguyễn Thị Nhung (Tổng Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường (Chủ biên), Nguyễn Dương Hải Đăng, Đỗ Thị Kiều Hạnh, Nguyễn Đức Sơn, Đàm Thị Hải Uyên, Trần Thị Vân.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
12	Hoạt động trải nghiệm, Hướng nghiệp 9 (Kết nối tri thức với cuộc sống)	Lưu Thu Thủy (Tổng Chủ biên), Trần Thị Thu (Chủ biên), Nguyễn Thanh Bình, Nguyễn Thu Hương, Nguyễn Thị Việt Nga, Lê Thị Thanh Thủy.	Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Danh mục này có 12 tên sách giáo khoa lớp 9.

ẤN PHẨM THAM KHẢO TỐI THIỂU ĐÃ ĐƯỢC NHÀ TRƯỜNG LỰA CHỌN

TT	Tên sách	Tên tác giả	Tên tác giả	Số lượng tối thiểu
1	Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi Toán 6	Nguyễn Đức Tấn, Đỗ Quang Minh, Nguyễn Tấn Siêng, Nguyễn Đoàn Vũ	NXB Dân Trí	3
2	Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Anh lớp 6	Đại Lợi	NXB Dân Trí	3
3	Những bài văn đạt điểm cao của học sinh giỏi lớp 7	Tạ Đức Hiền(Chủ biên), Nguyễn Ngọc Hà, Nguyễn Kim Sa, Lê Bảo Châu, Hoàng Ngọc Đức.	NXB Đại học quốc gia Hà Nội	3

4	Bồi dưỡng học sinh giỏi Địa lí 8	Phạm Văn Đồng	Nhà xuất bản Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh	3
5	Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Anh 8	An Nhiên	Nhà xuất bản Dân Trí	3
6	Đề kiểm tra Tiếng Anh 9(Global Success)	Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Hồ Tấn Mẫn, Minh Luận	Nhà xuất bản Đại học sư phạm	3
7	Bồi dưỡng học sinh giỏi Toán lớp 9(Luyện thi vào lớp 10)	Nguyễn Đức Tấn	Nhà xuất bản Đại học quốc gia	3
8	Bài tập nâng cao Vật lí 9(Bồi dưỡng học sinh giỏi)	Nguyễn Thanh Hải	Nhà xuất bản Đại học sư phạm	3
9	Bồi dưỡng học sinh giỏi Hóa học 9(theo chuyên đề)	Nguyễn Xuân Trường, Quách Văn Long, Hoàng Thị Thúy Hương	Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà nội	3
10	Những bài văn nghị luận đặc sắc lớp 9	Tạ Thanh Sơn	Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà nội	3
11	Ngữ pháp và thực hành Tiếng Anh 9	Nguyễn Hoàng Thanh Ly, Nguyễn Văn Hai	Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà nội	3
12	Bộ đề thi tuyển sinh vào lớp 10 môn Tiếng Anh	Lưu Hoàng Trí	Nhà xuất bản Đại học sư phạm	3

13	Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Anh 9(theo chuyên đề)	Đại Lợi	Nhà xuất bản Dân Trí	3
14	Bồi dưỡng học sinh giỏi Tiếng Anh 9	Hoàng Thanh, Minh Luận	Nhà xuất bản Đại học sư phạm	3

Danh mục này có 14 tên sách tham khảo lớp 9.

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC, TRƯỜNG ĐẠT CHUẨN QUỐC GIA, CÔNG TÁC HUY ĐỘNG SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Công tác kiểm định chất lượng giáo dục :

Nhà trường đã thực hiện tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các văn bản của Bộ GD&ĐT, hằng năm đều có xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục.

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục:

Nhà trường đã được đoàn đánh giá ngoài kiểm tra, đánh giá và được Sở GD&ĐT Thừa Thiên- Huế công nhận Trường đạt chuẩn chất lượng Giáo dục mức độ 02 theo Thông tư 42/ 2012 /TT-BGD&ĐT ngày 23 tháng 11 năm 2012 Tại Quyết định số 1834.25/QĐ-SGDĐT ngày 03/09/2014 và được UBND tỉnh công nhận trường trung học đạt chuẩn quốc gia theo Thông tư 47/ 2012/TT-BGD&ĐT ngày 07 tháng 12 năm 2012 tại Quyết định số 1155/QĐ-UBND ngày 30/03/2018.

Hàng năm nhà trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục sau đánh giá để khắc phục những điểm yếu, nhằm đưa chất lượng giáo dục của nhà trường ngày một nâng lên.

2. Kết quả hoạt động giáo dục:

Thực hiện nguyên lý giáo dục " Học đi đôi với hành, nhà trường gắn liền với xã hội, lí luận gắn liền với thực tiễn ". Trường THCS Điền Lộ đề ra và thực hiện kế hoạch, đầy đủ nội dung các hoạt động giáo dục đúng với chương trình do bộ GD&ĐT quy định tại nhiệm vụ năm học 2023-2024. Hoạt động đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá nhằm nâng cao chất lượng Giáo dục. Việc bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu cũng được nhà trường quan tâm đúng mức.

Nhà trường đã tổ chức các hoạt động trải nghiệm dưới nhiều hình thức

khác nhau như : Tổ chức trò chơi, diễn đàn, tham quan dã ngoại, các hội thi, hoạt động giao lưu, hoạt động nhân đạo, hoạt động tình nguyện, hoạt động cộng đồng, sinh hoạt tập thể, lao động công ích, thể dục thể thao, tổ chức các ngày hội. Giáo dục thông qua các sinh hoạt tập thể lớp, trường và các sinh hoạt theo chủ đề:

Giáo dục thông qua các hoạt động văn hoá - thể thao và vui chơi: Các hội thao, hội thi, Hội khoẻ Phù Đổng, các cuộc thi văn hoá - văn nghệ của học sinh.

Đã tăng cường lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, lối sống; học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; giáo dục pháp luật, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo, giáo dục phòng chống các tệ nạn xã hội, ma túy, bảo vệ môi trường; giáo dục an toàn giao thông... thông qua các hoạt động trải nghiệm trong nhà trường nhằm giáo dục kỹ năng sống cho học sinh, nâng cao chất lượng giáo dục theo chương trình GDPT 2018.

b3. Kết quả tuyển sinh lớp 6 và huy động học sinh năm học 2024-2025:
Gồm 9 lớp/278 học sinh

Khối lớp	Số học sinh	Số lớp	Trong đó		
			HS nữ	HS dân tộc	HS khuyết tật
6	59	2	35	0	2
7	98	3	46	0	0
8	62	2	27	0	0
9	59	2	32	0	2
Toàn trường	278	9	140	0	4

4. Chất lượng giáo dục- (sau kiểm tra lại) - Năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số HS chia theo hạnh kiểm/rèn luyện	283	98	63	58	64

1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	257 90.81%	90 91.83%	51 80.95%	55 94.82%	61 95.32%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	38 13.42%	3 3.06%	12 19,05%	3 5,17%	3 4,68%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	5 1.76%	5 5.1%	0	0	0
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học Sinh chia theo học lực/học	283	98	63	58	64
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	91 32.15%	28 28.57%	22 34.92%	15 25.86%	26 40.62%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	142 50.17%	51 50.04%	25 39.68%	35 60.34%	31 48.43%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	50 18.41%	19 19.38%	16 25.39%	8 13.78%	7 10.93%
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	283	98	63	58	64
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	283 100%	98 100%	63 100%	58 100%	64 100%
a	Học sinh giỏi, xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)	92 32.50%	28 28.57%	22 34.92%	16 27.58%	26 40.62%

b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	141 49.82%	51 52.04%	25 39.68%	34 58.62%	31 48.43%
2	Kiểm tra lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	1/1,7%	0

3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	01/03	0/0	1/1	0/2	0
5	Bị đuổi học(tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ) nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	1	0	1	0	01
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi	25	5	3	5	12
1	Cấp huyện	23	5	3	5	10
2	Cấp tỉnh/thành phố	2	0	0	0	2
3	Quốc gia, khu vực một số nước	0	0	0	0	0
V	Số học sinh được xét hoặc được thi TN	64	0	0	0	64
VI	Số học sinh được công nhận TN	64	0	0	0	64
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	26 40.62%	0	0	0	26 40.62%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	31 48.43%	0	0	0	31 48.43%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	7 10.93%	0	0	0	7 10.93%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học , cao đẳng (tỷ lệ)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	142/283	52/98	36/63	26/58	28/64
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	0

- Năm học 2023-2024 nhà trường không có học sinh ở lại lớp
- Số học sinh được công nhận xét và công nhận tốt nghiệp: 64/64 đạt 100%.

- Số học sinh được trúng tuyển vào THPT công lập: 63/64 HS (98.43%).

V. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Công khai chi tiết tài chính năm 2024

a) Nguồn ngân sách:

DVT: đồng

NỘI DUNG/ NGUỒN CHI	THƯỜNG XUYÊN	CHI KHÔNG THƯỜNG XUYÊN
DV TOÁN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (1)	224.277.315	
DV TOÁN GIAO (2)	4.699.780.000	
DV TOÁN BỔ SUNG (3)		
DV TOÁN GIẢM (4)		
DV TOÁN THU (1+2+3-4)	4.924.057.315	
DV TOÁN CHI	2.214.202.751	
1. Tiền lương	1.175.630.396	
2. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	21.840.000	
3. Phụ cấp lương	567.301.929	
4. Các khoản đóng góp	333.940.105	
7. Phúc lợi tập thể	24.293.441	
9. Thanh toán dịch vụ công cộng	15.140.930	
10. Vật tư Văn phòng	2.400.000	
11. Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	9.973.950	
12. Công tác phí	14.100.000	
14. Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyển môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	14.617.000	
15. Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	6.075.000	
16. Mua sắm tài sản vô hình	6.000.000	

17. Chi khác	13.340.000	
19. Hỗ trợ chi phí học tập	3.750.000	
20. Trợ cấp tết nguyên đán	5.800.000	
DV TOÁN CÒN LẠI	2.709.854.564	
CHUYỂN SANG QUÝ 3 NĂM 2024	2.709.854.564	
KINH PHÍ HUỖ	0	

b) Nguồn dịch vụ:

STT	Chi tiêu	Tổng số	Giấy thi, giấy nháp	Dọn nhà vệ sinh học sinh	Dạy ôn thi vào lớp 10	Ghi chú
01	Thu các khoản phục vụ học sinh (Theo NQ 05)	140.000	50.000	90.000	0	

2. Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp miễn giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội năm học 2023-2024

Nội dung	Số học sinh	Số tiền	Ghi chú
Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí	8em	1.312.000đ	
Đối tượng được hưởng chế độ chi phí học tập : Theo Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ	0	0	
Tổng cộng	8em	1.312.000đ	

2. Công khai các khoản thu năm học 2023-2024 và dự kiến năm học 2024-2025:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức thu	Ghi chú
----	----------	-------------	---------	---------

I / Năm học 2023-2024				
1	Học phí	Đồng/học sinh/tháng	32.000	
2	Đội sao	Đồng/học sinh/năm học	45.000	
3	Đề kiểm tra	Đồng/học sinh/năm học	50.000	
4	Tấm tre	Đồng/học sinh/năm học	10.000	
5	Phụ huynh	Đồng/học sinh/năm học	100.000	

II/ Năm học 2024- 2025				
1	Học phí	Đồng/học sinh/tháng	32.000	
2	Đội sao	Đồng/học sinh/năm học	45.000	
3	Đề kiểm tra	Đồng/học sinh/năm học	50.000	
4	Tấm tre	Đồng/học sinh/năm học	10.000	
5	Phụ huynh	Đồng/học sinh/năm học	100.000	

III/ Công khai số dư tiền mặt và tiền gửi đến ngày 31/06/2024

ST T	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
1	Số dư tiền gửi tại KBNN- Tiền gửi khác	Đồng	17.150.312	
2	Số dư tiền gửi tại KBNN- Tiền học phí	Đồng	350.820	

a. Công khai dự toán thu chi 6 tháng đầu năm 2024

	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2024	DV DỰ TOÁN CHI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024
1	2	3	4
	Tổng cộng	4.651.310.000	2.214.202.751
1	. Tiền lương	2.626.000.000	1.175.630.396
2	. Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	43.680.000	21.840.000
3	Phụ cấp lương	1.096.000.000	567.301.929
4	Các khoản đóng góp	673.265.000	333.940.105
5	Phúc lợi tập thể	20.300.000	24.293.441
6	Thanh toán dịch vụ công cộng	26.000.000	15.140.930
7	Vật tư Văn phòng	23.000.000	2.400.000
8	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	12.000.000	9.973.950
9	Công tác phí	24.000.000	14.100.000
10	Sửa chữa duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	50.000.000	14.617.000
11	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	14.000.000	6.075.000
12	Mua sắm tài sản vô hình	6.000.000	6.000.000
13	Chi khác	27.515.000	13.340.000
14	. Hỗ trợ chi phí học tập	3.750.000	3.750.000
15	. Trợ cấp tết nguyên đán	5.800.000	5.800.000

Nơi nhận:

- Niêm yết công khai Tại VP.
- Đăng trên Websiter nhà trường,
- Lưu VP, HT

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thông